TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 16 - 01 - 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị M**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Z**

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết D1**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh T1** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh T2** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phan Văn T** - Sinh năm: 1948

Địa chỉ: 173A đường 12, khu phố Q, phường K, thị xã F, tỉnh B.

2. Bị đơn: **Lê Văn H** - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp Tân N1, xã Tân P, huyện A, tỉnh B.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:**

Ông T có vay dùm anh H số tiền 10.000.000đ vào ngày 08/8/2017, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hẹn một tháng sau trả lại vốn lẫn lãi, việc cho vay không làm giấy tờ gì. Sau khi vay anh H có trả lãi mỗi tháng 500.000đ được khoảng 5-6 tháng thì ngưng, chưa trả vốn. Nay ông T yêu cầu anh H trả số tiền vay còn nợ là 10.000.000đ, không yêu cầu trả lãi tiếp. Thời gian trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn H trình bày:**

Anh H có vay của ông T số tiền 10.000.000đ với thời gian như ông T trình bày, sau khi vay anh có trả lãi được khoảng 6 -7 tháng thì ngưng, mỗi tháng trả 500.000đ lãi, chưa trả vốn. Việc vay tiền và trả lãi không có giấy tờ.

Nay anh H đồng ý trả số tiền 10.000.000đ theo yêu cầu của ông T , nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu anh H có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 10.000.000đ:

Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời trình bày của ông T và anh Hợp thì thực tế anh H có vay của ông T số tiền là 10.000.000đ. Tại phiên tòa, anh Hợp đồng ý trả số tiền 10.000.000đ cho ông T , nên yêu cầu của ông T là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: tại phiên tòa ông T không yêu cầu anh H trả lãi tiếp và anh H cũng không yêu cầu xem xét lại lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian trả: ông T yêu cầu anh H trả số tiền 10.000.000đ làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Anh H xin trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ. Xét thấy, theo thỏa thuận thì thời hạn vay chỉ là một tháng, nhưng anh H không thực hiện để kéo dài đến nay, làm cho quyền lợi của ông T bị thiệt thòi; nay tại phiên tòa lại xin trả dần mỗi tháng 500.000đ nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi cho ông T . Nên yêu cầu của ông T về thời gian trả là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng xét thấy anh H có đơn xin miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo (có sổ hộ nghèo), nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí dân sự sơ

thẩm cho anh H theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Văn T .

Buộc anh Lê Văn H có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn T số tiền vay còn nợ là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*.

2. Về án phí:

- Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 337.500đ đồng theo biên lai thu số 48944 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- Anh H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị M

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV